

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

Số: 600/TANDTC-PC

V/v tổng kết thực tiễn thi hành
Luật Phí và lệ phí

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2026

Kính gửi:

- Các Đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao;
- Các Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao;
- Các Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố.

Thực hiện đề nghị tại Công văn số 14380/BTC-CST ngày 14/9/2026 của Bộ Tài chính về việc rà soát, đánh giá tình hình thực hiện Luật Phí và lệ phí, Tòa án nhân dân tối cao đề nghị các Đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trong phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ tiến hành tổng kết thực tiễn triển khai thi hành Luật Phí và lệ phí theo nội dung sau đây:

1. Đánh giá việc triển khai tại Tòa án như công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền, phổ biến, tập huấn thực hiện.

2. Đánh giá kết quả thi hành Luật Phí và lệ phí (từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/9/2026); trong đó bao gồm đánh giá về mức độ phù hợp của các quy định của Luật với thực tiễn quản lý nhà nước, yêu cầu cải cách tài chính công, cải cách thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, phân cấp, phân quyền, chuyển đổi số, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, hệ thống pháp luật hiện hành.

3. Những khó khăn, vướng mắc, bất cập và nguyên nhân, bao gồm:

- Những vướng mắc trong các quy định của pháp luật như thiếu quy định, quy định không phù hợp với thực tiễn...

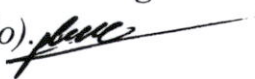
- Rà soát các nội dung vướng mắc, mâu thuẫn, chồng chéo giữa Luật Phí và lệ phí với các luật có liên quan.

4. Đề xuất, kiến nghị: Kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định của Luật Phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành (nếu có).

Báo cáo đề nghị gửi về Tòa án nhân dân tối cao (thông qua Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học) thông qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Tòa án nhân dân và địa chỉ thư điện tử phongdansu@gmail.com trước ngày 05/10/2026 để tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao (Thông tin chi tiết liên hệ đồng chí Nguyễn Thị Hoa, SĐT 0976.655.389).

Tòa án nhân dân tối cao yêu cầu các đồng chí lãnh đạo các Đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao, Chánh Tòa Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao,

Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố sau khi nhận được Công văn này cần tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, đảm bảo chất lượng và đúng thời hạn.

(Gửi kèm theo Công văn là Đề cương báo cáo Tổng kết thi hành Luật Phí và lệ phí để các Tòa án tham khảo). 

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chánh án TANDTC (để b/c);
- Công TTĐT TANDTC (để đăng tải);
- Lưu: VT VP, Vụ PC&QLKH-P2.

**KT. CHÁNH ÁN
PHÓ CHÁNH ÁN**



Nguyễn Văn Tiến

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC (1) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

..... ngày.....tháng.....năm ...

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Tổng kết thi hành Luật Phí và lệ phí

*(Kèm theo Công văn số 14380/BTC-CST ngày 14 tháng 9 năm 2026
của Bộ Tài chính)*

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật,...(1) đã tiến hành tổng kết việc thi hành Luật Phí và lệ phí (có hiệu lực từ ngày 01/01/2017). Kết quả như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI VÀ TỔ CHỨC THI HÀNH LUẬT PHÍ VÀ LỆ PHÍ

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật

Đề nghị đánh giá việc phổ biến, tuyên truyền Luật Phí và lệ phí, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí trong đó nêu rõ số lượng, các hình thức phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn (hội thảo, hội nghị, đưa tin, bài trên các phương tiện thông tin đại chúng, biên soạn tài liệu, sách, sổ tay...); mức độ tiếp cận pháp luật của tổ chức thu và người nộp...

2. Công tác chỉ đạo triển khai thi hành Luật Phí và lệ phí; ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí

2.1. Đề nghị các đơn vị đánh giá tình hình ban hành Luật và các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí theo các tiêu chí: (i) tính kịp thời so với thời điểm có hiệu lực của văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn và thực tế phát sinh; (ii) tính đầy đủ, bao quát so với nội dung được giao quy định chi tiết và các trường hợp thực tế phát sinh; (iii) tính đồng bộ, thống nhất giữa các VBQPPL trong hệ thống pháp luật về phí, lệ phí cũng như với các VBQPPL chuyên ngành có liên quan; (iv) tính hiệu quả của văn bản (đối với NSNN, người nộp phí, tổ chức thu). Trong đó, cần chỉ rõ các trường hợp VBQPPL được ban hành chưa kịp thời, nội dung VBQPPL chưa đầy đủ, chưa bao quát, chưa đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất cũng như nguyên nhân dẫn đến các trường hợp này (nếu có).

2.2. Đề nghị các đơn vị thống kê các VBQPPL hoặc quy định tại các VBQPPL được ban hành nhưng thực tế không được áp dụng; hoặc đã không còn phù hợp với thực tế; hoặc chưa thống nhất với các quy định pháp luật hiện hành khác; hoặc còn chồng chéo, mâu thuẫn; các khoản phí, lệ phí thuộc ngành, lĩnh vực quản lý nhưng chưa được ban hành.

2.3. Đề nghị các đơn vị thống kê các công văn được ban hành để hướng dẫn thực hiện chính sách phí và lệ phí trong đó có nội dung có chứa quy phạm

pháp luật chưa được quy định tại các VBQPPL hoặc chưa phù hợp, thống nhất với các quy định pháp luật phí, lệ phí hiện hành.

3. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực phí, lệ phí theo thẩm quyền

Đề nghị các đơn vị đánh giá tình hình giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật liên quan đến chính sách phí, lệ phí theo Luật Phí và lệ phí và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành trong giai đoạn từ năm 2017 đến hết năm 2025. Trong đó, nêu rõ số đơn thư đã nhận được, số vụ việc đã được thụ lý và kết quả giải quyết; số Quyết định xử lý vi phạm hành chính được ban hành.

4. Tình hình thực hiện phân cấp, phân quyền, phân định trách nhiệm trong quản lý nhà nước khi triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

5. Về tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực thực hiện quản lý nhà nước trong lĩnh vực phí, lệ phí tại cơ quan, tổ chức

II. KẾT QUẢ THI HÀNH LUẬT PHÍ VÀ LỆ PHÍ, ĐÁNH GIÁ ƯU ĐIỂM, BẤT CẬP, HẠN CHẾ

1. Kết quả thực hiện

1.1. Về phạm vi điều chỉnh, khái niệm và phân định phí, lệ phí

Đề nghị đánh giá việc áp dụng các khái niệm: phí, lệ phí, dịch vụ công, giá dịch vụ, các khoản thu khác. Trong đó, đề nghị tập trung rà soát khoản thu có bản chất là phí nhưng chưa được quy định; khoản thu đang được gọi là phí nhưng thực chất mang tính giá; khoản thu có tính chất tương tự lệ phí; khoản thu bị trùng lặp với giá dịch vụ; trường hợp cùng một hoạt động nhưng tồn tại nhiều loại khoản thu...

1.2. Về Danh mục phí, lệ phí

Đề nghị thống kê tổng số khoản phí, tổng số khoản lệ phí, trong đó: (1) số khoản đang thu; (2) số khoản không còn thu (đề nghị nêu rõ phương án xử lý); (3) số khoản đã bãi bỏ; (4) số khoản được bổ sung theo quy định của pháp luật chuyên ngành; (5) số khoản chuyển sang cơ chế giá; (6) số khoản chưa ban hành văn bản thu (đề nghị nêu rõ phương án xử lý).

Mỗi khoản thu được đánh giá theo các tiêu chí như căn cứ pháp lý; đối tượng thu, nộp; dịch vụ hoặc hoạt động làm phát sinh khoản thu; mức thu; mức thu; chi phí cung cấp dịch vụ, tổ chức thu; tác động đối với người nộp phí, ngân sách; tính cần thiết tiếp tục duy trì...

(Chi tiết tại Phụ lục 1)

1.3. Về nguyên tắc xác định mức thu phí, lệ phí

Đề nghị đánh giá kết quả thực hiện đối với phương pháp xác định mức thu phí, lệ phí, căn cứ chi phí, mức độ bù đắp chi phí, sự phù hợp giữa mức thu và chất lượng dịch vụ. Đề nghị thống kê: (1) mức thu tối thiểu; (2) mức thu tối đa; (3) mức thu bình quân; (4) chi phí bình quân; (5) chênh lệch giữa mức thu và chi

phí; (6) số khoản có mức thu cao hơn chi phí; (7) số khoản có mức thu thấp hơn chi phí.

Đối với từng khoản phí đề nghị xác định “Tỷ lệ bù đắp chi phí” theo từng năm (từ năm 2017 đến hết năm 2025), cụ thể:

Tỷ lệ bù đắp chi phí = (Tổng số phí thu được trong năm / Tổng chi phí cung cấp dịch vụ trong năm) x 100%

1.4. Về miễn, giảm phí, lệ phí

Đề nghị thống kê: (1) số trường hợp miễn; (2) số trường hợp giảm; (3) số tiền đã được miễn, giảm; (4) tác động đến ngân sách.

Trên cơ sở đó đánh giá tính công bằng, minh bạch, khả thi của chính sách miễn, giảm phí, lệ phí; việc thực hiện đã đúng đối tượng chưa; sự phù hợp với chính sách an sinh xã hội.

1.5. Về quản lý, thu, nộp và sử dụng phí, lệ phí

Đề nghị báo cáo số liệu theo các bảng tại Phụ lục 2. Trên cơ sở số liệu đã tổng hợp, đề nghị đánh giá về tỷ lệ để lại, mục đích sử dụng, chi phí tổ chức thu, mức độ tự chủ của tổ chức thu,...

1.6. Về tổ chức thu, phân cấp và phân quyền

Đề nghị đánh giá về thẩm quyền của Quốc hội; Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ; Bộ Tài chính; các bộ, cơ quan ngang bộ; Hội đồng nhân dân; cơ quan, đơn vị tổ chức thu.

Ngoài các nội dung nêu trên, đề nghị Hội đồng nhân dân có đánh giá thêm về tình hình thực hiện quy định tại điểm e khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15¹.

1.7. Về cải cách thủ tục hành chính (TTHC), chuyển đổi số và phương thức thu

Đề nghị đánh giá số thủ tục có thu phí, lệ phí; số thủ tục trực tuyến; tỷ lệ thanh toán điện tử; tỷ lệ thu không dùng tiền mặt; thời gian thực hiện; chi phí tuân thủ...

Ngày 26/3/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 66/NQ-CP về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026. Trên tinh thần Nghị quyết số 66/NQ-CP, các Bộ, ngành thực hiện cắt giảm TTHC dẫn đến phí, lệ phí được cắt giảm, bãi bỏ. Đề

¹ Tại điểm e khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định: “Quyết định thu phí, lệ phí và các khoản đóng góp của nhân dân theo quy định của pháp luật; được phép ban hành một số khoản thu phí, lệ phí ngoài danh mục quy định của Luật Phí và lệ phí.

Việc ban hành khoản thu phí, lệ phí ngoài danh mục quy định tại điểm này phải phù hợp với khả năng và yêu cầu phát triển của địa phương; tạo môi trường sản xuất, kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp; bảo đảm sự thống nhất của thị trường, không làm cản trở lưu thông hàng hóa, dịch vụ; thực hiện điều tiết hợp lý đối với hàng hóa, dịch vụ và nguồn thu nhập hợp pháp của tổ chức, cá nhân trên địa bàn địa phương.”

ngiht các đơn vị liệt kê các TTHC mà các khoản phí, lệ phí gắn với TTHC bị cắt giảm, bãi bỏ. Trên cơ sở đó, các đơn vị đánh giá các thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành theo Nghị quyết số 66/NQ-CP đã phù hợp chưa.

2. Đánh giá ưu điểm, bất cập, hạn chế

2.1. Ưu điểm

- a) Đối với quản lý nhà nước
- b) Đối với ngân sách nhà nước
- c) Đối với người dân và doanh nghiệp
- d) Đối với tổ chức thu phí là đơn vị sự nghiệp công lập

2.2. Bất cập, hạn chế

- Bất cập, hạn chế của Luật Phí và lệ phí, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành phát sinh do chưa có quy định, cần bổ sung trong Luật Phí và lệ phí để đáp ứng phát sinh trong thực tiễn.

- Bất cập, hạn chế của Luật Phí và lệ phí, các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành phát sinh do thay đổi chức năng, nhiệm vụ của cơ quan nhà nước; sắp xếp tổ chức bộ máy; thay đổi địa giới, đơn vị hành chính; phân cấp, phân quyền; tổ chức cung cấp dịch vụ công; chuyển đổi phương thức quản lý...

2.3. Nguyên nhân (Chủ quan, khách quan)

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định của pháp luật

1.1. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định của Luật Phí và lệ phí (Chi tiết tại Phụ lục 3)

1.1.1. Đánh giá khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng quy định pháp luật về phạm vi điều chỉnh, khái niệm và phân định phí, lệ phí

Đề nghị đánh giá rõ các khái niệm đã bao quát chưa; tiêu chí phân định đã rõ chưa; đối với nguyên tắc xử lý khoản thu mới thì như nào; đã quy định đầy đủ mối quan hệ giữa phí và giá chưa; cơ quan áp dụng đã thống nhất chưa; còn có cách hiểu khác nhau không; đã có đầy đủ văn bản hướng dẫn chưa; tổ chức thu có xác định sai bản chất khoản thu không...

1.1.2. Đánh giá khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng quy định pháp luật về Danh mục phí, lệ phí

Đề nghị đánh giá rõ có khoản thu nào tại Danh mục không còn phù hợp không (trên thực tế chưa thu hoặc không còn thu); có thiếu khoản thu phát sinh từ hoạt động mới không; đơn vị có chậm đề xuất sửa đổi Danh mục phí, lệ phí không; văn bản chuyên ngành phát sinh nhưng chưa đồng bộ với Luật không; địa phương có áp dụng thống nhất không...

1.1.3. Đánh giá khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng quy định pháp luật về nguyên tắc xác định mức thu

Đề nghị đánh giá rõ nguyên tắc xác định mức thu đã cụ thể chưa; cơ chế cập nhật chi phí như thế nào; quy định hiện hành đã đảm bảo xử lý đầy đủ trường hợp dịch vụ có chi phí biến động lớn chưa; phương pháp tính đã thống nhất chưa; hồ sơ đề xuất mức thu đã đầy đủ chưa; việc điều chỉnh mức thu đã phù hợp chưa...

1.1.4. Đánh giá khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng quy định pháp luật về miễn, giảm phí, lệ phí

Đề nghị đánh giá rõ quy định đã đầy đủ các nhóm đối tượng chưa; đã thống nhất giữa các lĩnh vực chưa; nguyên tắc chung về miễn, giảm quy định tại luật đã phù hợp chưa; việc xác định đối tượng có khó khăn không; thủ tục chứng minh đã phù hợp chưa...

1.1.5. Đánh giá khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng quy định pháp luật về quản lý thu, nộp và sử dụng phí, lệ phí

Đề nghị đánh giá rõ cơ chế quản lý nguồn thu đã đồng bộ với pháp luật ngân sách chưa; quy định về để lại nguồn thu đã phù hợp với mô hình đơn vị cung cấp dịch vụ chưa; đã quy định đầy đủ các phương thức thu mới chưa; đánh giá việc quản lý sử dụng phí đối với tổ chức thu phí là doanh nghiệp và cơ chế báo cáo, quản lý của bộ chuyên ngành trong trường hợp này...

1.1.6. Đánh giá khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng quy định pháp luật về tổ chức thu, phân cấp và phân quyền

Đề nghị đánh giá rõ việc phân định thẩm quyền đã phù hợp chưa; đã đồng bộ với pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương chưa; cơ chế phối hợp đã rõ chưa; cơ chế kiểm tra, giám sát đã hiệu quả chưa...

1.1.7. Đánh giá khó khăn, vướng mắc trong cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số và phương thức thu

Đề nghị đánh giá rõ quy định đối với phương thức thu điện tử đã đảm bảo đầy đủ chưa, có phát sinh vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện phương thức thu điện tử, nhất là việc thực hiện thu phí, lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công, VNeID, Trung tâm hành chính; cơ chế chia sẻ dữ liệu đã đầy đủ chưa; hệ hống công nghệ đã đồng bộ, liên thông chưa; người dân còn phải cung cấp lại thông tin không...

1.2. Khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các vấn đề giao thoa với pháp luật có liên quan (Chi tiết tại Phụ lục 4)

1.2.1. Đánh giá khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các vấn đề giao thoa với pháp luật về giá như: ranh giới phí và giá dịch vụ; trường hợp dịch vụ công chuyển từ phí sang giá; thẩm quyền quyết định; nguyên tắc xác định mức thu; phương pháp tính chi phí; cơ chế điều chỉnh...

1.2.2. Đánh giá khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các vấn đề giao thoa với pháp luật về ngân sách nhà nước như: khoản thu phí, lệ phí thuộc ngân sách; cơ chế nộp ngân sách; cơ chế để lại; lập dự toán; quyết toán; sử dụng số thu; mối quan hệ giữa nguồn thu phí và nhiệm vụ chi...

1.2.3. Đánh giá khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các vấn đề giao thoa với pháp luật về quản lý thuế như: kê khai; chứng từ; thu, nộp; quản lý dữ liệu; xử lý chậm nộp; hoàn trả; kiểm tra...

1.2.4. Đánh giá khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các vấn đề giao thoa với pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập như: cơ chế tự chủ; nguồn thu; chi phí cung cấp dịch vụ; mức độ tự chủ; mối quan hệ giữa phí và giá dịch vụ sự nghiệp công...

1.2.5. Đánh giá khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các vấn đề giao thoa với pháp luật chuyên ngành (đất đai, môi trường, tài nguyên, giao thông, y tế, giáo dục, xây dựng, tư pháp, khoa học và công nghệ, thông tin và truyền thông, năng lượng, nông nghiệp, xuất nhập khẩu, hàng hải, hàng không...) như: tính thống nhất; mâu thuẫn; chồng lấn; khoảng trống pháp lý; quy định lỗi thời...

2. Khó khăn, vướng mắc trong việc tổ chức thực hiện Luật Phí và lệ phí, các văn bản quy định chi tiết thi hành

2.1. Về các điều kiện bảo đảm thi hành Luật

a) Kinh phí; cơ sở vật chất, kỹ thuật

b) Tổ chức bộ máy, nhân sự

2.2. Khó khăn vướng mắc khác

3. Nguyên nhân của khó khăn, vướng mắc

IV. XÁC ĐỊNH NHỮNG VẤN ĐỀ MỚI PHÁT SINH TRONG THỰC TIỄN, NHỮNG NỘI DUNG KHÁC (NẾU CÓ)

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Phí và lệ phí

2. Đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định của các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí

3. Đề xuất, kiến nghị các giải pháp tổ chức thực hiện Luật Phí và lệ phí và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành

4. Đề xuất, kiến nghị khác

(Chi tiết tại Phụ lục 3, Phụ lục 4)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu)

Nơi nhận:

-

-

- Lưu: VT, ...

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức báo cáo.

PHỤ LỤC 1

Bảng tổng hợp đề Danh mục các khoản phí, lệ phí thuộc phạm vi quản lý

I. Danh mục đề xuất giữ nguyên/sửa đổi/bãi bỏ khoản phí, lệ phí

STT	Tên khoản phí, lệ phí	Văn bản quy định (Thông tư/Nghị định)	Cơ quan/ đơn vị tổ chức thu	Đánh giá sự phù hợp (mức thu, đối tượng, hiệu quả thực hiện...)	Kiến nghị (giữ nguyên/sửa đổi/bãi bỏ)	Lý do kiến nghị	Phương án thay thế
1							
2							
3							

II. Danh mục đề xuất chuyển từ phí sang giá

STT	Tên khoản phí, lệ phí	Dịch vụ	Văn bản quy định (Thông tư/Nghị định)	Cơ quan/ đơn vị tổ chức thu	Lý do chuyển	Cơ chế giá dự kiến
1						
2						
3						

III. Danh mục đề xuất bổ sung phí, lệ phí

STT	Hoạt động/dịch vụ	Đối tượng nộp	Đối tượng thu	Căn cứ đề xuất	Mức thu dự kiến
1					
2					
3					

PHỤ LỤC 2

Bảng 1: Số liệu thu lệ phí theo năm

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Tổng thu lệ phí					
1. Lệ phí A					
2. Lệ phí B					
...					

[illegible]

Bảng 3: Số liệu thu - chi từ nguồn phí của đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có)*Đơn vị: triệu đồng*

STT	Tên đơn vị SNCL thu phí	Khoản phí	Năm	Số thu phí (triệu đồng)	Tỷ lệ (%) để lại	Số chi từ phí được để lại (triệu đồng)	NSNN cấp/ nguồn khác (triệu đồng)
1			2021				
	Dự toán						
	Thực hiện						
2			2022				
	Dự toán						
	Thực hiện						
..	..	..	...	...	...	...	...
...			2025				
	Dự toán						
	Thực hiện						
...			2026 (ước)				
	Dự toán						
	Thực hiện						

PHỤ LỤC 3**Bảng tổng hợp đề xuất sửa đổi Luật**

STT	Nhóm chính sách	Quy định hiện hành	Vấn đề cần giải quyết	Đề xuất
1	Phạm vi điều chỉnh, khái niệm			
2	Danh mục phí, lệ phí			
3	Nguyên tắc xác định mức thu			
4	Miễn, giảm phí, lệ phí			
5	Tổ chức thu			
6	Quản lý thu			
7	Phân cấp, phân quyền			
8	Chuyển đổi số			

PHỤ LỤC 4

Các nội dung quy định có mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, vướng mắc trong thực tiễn cần được sửa đổi, bổ sung trong Luật Phí và lệ phí

STT	Tên văn bản/nội dung	Quy định có mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, vướng mắc trong thực tiễn (Nếu rõ điều, khoản, điểm)	Thuyết minh	Đề xuất hướng xử lý (Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế, ban hành mới)	Ghi chú
I	Các nội dung có mâu thuẫn, chồng chéo trong Luật Phí và lệ phí				
1	Phạm vi điều chỉnh, khái niệm				
2	Danh mục phí, lệ phí				
3	Nguyên tắc xác định mức thu				
4	Miễn, giảm phí, lệ phí				
5	Tổ chức thu				
6	Quản lý thu				
7	Phân cấp, phân quyền				
8	Chuyển đổi số				
II	Các quy định pháp luật chuyên ngành khác có mâu thuẫn, chồng chéo với Luật Phí và lệ phí				
III	Những nội dung chưa có quy định, cần được bổ sung trong Luật Phí và lệ phí				